

Số: /KH-SNN

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2030

Thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/07/2022 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030;

Thực hiện Quyết định số 3444/QĐ-BNN-KH ngày 12/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

Để tổ chức và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021 – 2030, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt các phòng ban, đơn vị thuộc Sở về các nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/07/2022 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030; qua đó tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh xác định trong giai đoạn 2021-2025, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

2. Yêu cầu

Các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ kế hoạch này xây dựng kế hoạch hành động theo chức năng nhiệm vụ được giao:

- Triển khai thực hiện Quyết định số 3444/QĐ-BNN-KH ngày 12/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế theo hướng xanh hóa ngành nông nghiệp, khuyến khích phát triển theo hướng sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị tăng cao.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp cao vào sản xuất, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các bon thấp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững; giảm ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên hướng đến nền kinh tế trung hòa các bon vào năm 2050.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp 3-3,5%/năm.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất, nước, thủy sản, rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 28,3%, nâng cao diện tích có chứng chỉ quản lý rừng bền vững.
- Giảm thâm dụng đầu vào hóa chất nông nghiệp, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực tự nhiên trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón được sản xuất và tiêu thụ đạt trên 30%; tăng số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng lên trên 30%; có ít nhất 30% tổng diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.
- Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác có hiệu quả cao hơn cả về kinh tế và môi trường; diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 2% tổng diện tích đất trồng trọt. Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 2 - 3% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong nước;
- Mở rộng quy mô áp dụng các thực hành sản xuất nông nghiệp tốt nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và giảm phát thải khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp theo kế hoạch của quốc gia.
- Xây dựng nông thôn mới đảm bảo đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững; hình thành lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên, bảo vệ và phát triển cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, nội dung, giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, nông thôn; nâng cao ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, thay đổi hành vi của người tiêu dùng và sử dụng tài nguyên theo lối sống xanh, bền vững.
- Đa dạng hóa các phương thức truyền thông; trong đó nâng cao nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan thông qua các cuộc đối thoại chính sách về tăng trưởng xanh, chuyển đổi hệ thống lương thực xanh - các bon thấp.

- Tổng hợp, đăng tải trên các trang thông tin điện tử, báo, tạp chí, phương tiện truyền thông của ngành Nông nghiệp và PTNT về các mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững, cách làm hay, sáng tạo về tăng trưởng xanh để tạo hiệu ứng lan tỏa, thu hút và khuyến khích người dân, người sản xuất kinh doanh nông nghiệp tham gia áp dụng và nhân rộng.

2. Phát triển sản xuất nông nghiệp xanh - sạch - an toàn - bền vững

- Trồng trọt: Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu từng địa phương; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung ổn định, quy mô lớn. Sử dụng đất lúa linh hoạt, chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản có hiệu quả cao hơn, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Đẩy mạnh áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, gây ô nhiễm môi trường, làm thoái hóa đất canh tác và phát thải khí nhà kính. Thực hiện các chương trình quản lý sức khỏe đất; quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp; áp dụng các phương thức tưới tiên tiến, tiết kiệm đối với cây trồng cạn.

- Chăn nuôi: Chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, hình thành vùng chăn nuôi trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ; Tất cả các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi phải có giải pháp kiểm soát môi trường phù hợp, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi côn trùng, sản xuất năng lượng tái tạo... Tăng cường năng lực của hệ thống thú y bảo đảm phòng, chống dịch bệnh động vật hiệu quả, tăng cường giám sát sử dụng kháng sinh và kháng kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Thủy sản: Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Áp dụng đối tượng nuôi trồng thủy sản mới có hiệu quả cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện khí hậu. Tăng cường kiểm soát dịch bệnh, giảm sử dụng kháng sinh, bảo đảm an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản.

- Lâm nghiệp: Phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản theo tiêu chuẩn quản lý. Phục hồi rừng tự nhiên, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa. Mở rộng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý bền vững; phát huy tối đa dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu; khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ hấp thụ và lưu giữ cacbon.

- Chế biến nông, lâm, thủy sản: Khuyến khích áp dụng công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế tuần hoàn. Xử lý triệt để tình trạng gây ô nhiễm môi trường trong chế biến, kinh doanh nông lâm, thủy sản. Khuyến khích sử dụng các công nghệ sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.

- Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, gắn hoạt động kinh tế với dịch vụ du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ. Hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và giảm ô nhiễm trong sản xuất ở các làng nghề và các cơ sở ngành nghề ở nông thôn. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm OCOP theo hướng kinh tế tuần hoàn.

3. Xây dựng lối sống xanh, tiêu dùng bền vững

- Thúc đẩy tiêu dùng xanh: Phát triển thị trường cho các sản phẩm nông lâm thủy sản sản xuất theo hướng xanh dưới các hình thức hỗ trợ trực tiếp cho đầu tư và sản xuất, hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ chi phí và thủ tục bảo hộ sở hữu trí tuệ, chi phí và thủ tục cấp chứng nhận, trợ giá sản phẩm, chuyển từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch.

Thực hiện nghiêm truy xuất nguồn gốc nông sản gắn với chỉ dẫn địa lý, xây dựng vùng nguyên liệu xanh. Xây dựng, tổ chức giới thiệu thương hiệu nông sản Việt Nam chất lượng cao, an toàn, thân thiện với môi trường, tôn vinh sản phẩm “xanh” gắn với văn hóa ẩm thực Việt Nam. Phát triển chuỗi giá trị nông sản xanh - các bon thấp cho các ngành hàng nông sản chủ lực; triển khai dán nhãn, công nhận nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp các bon thấp cho các nông sản, sản phẩm OCOP xanh. Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông thôn xúc tiến quảng bá các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, đặc trưng vùng tạo giá trị gia tăng.

Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo hướng xanh, bền vững; tiếp tục nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp đáp ứng các yêu cầu về tăng trưởng xanh và bền vững; Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý, tiêu hủy bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng. Thay đổi thói quen tiêu dùng, thực hiện lối sống bền vững và có trách nhiệm đối với nông sản sản xuất ra trong suốt vòng đời sản phẩm. Khuyến khích nhân rộng các mô hình nhà ở, làng sinh thái phù hợp với điều kiện khí hậu, phong tục tập quán, lối sống, văn hóa của từng dân tộc, địa phương. Thí điểm và nhân rộng mô hình làng thông minh trong đó có các tiêu chí xanh.

4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng ngành nông nghiệp theo hướng xanh, sinh thái

- Thực hiện lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tăng trưởng xanh trong các chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm của ngành, tiểu ngành, lĩnh vực thuộc ngành hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng “0” năm 2050.

- Rà soát đánh giá việc thực thi pháp luật hiện hành, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với từng lĩnh vực chuyên ngành để phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp xanh- sạch-an toàn-bền vững.

- Xây dựng, triển khai thực hiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí phân loại xanh cho các chương trình, dự án, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và

ngành nghề trên cơ sở hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí phân loại xanh quốc gia. Xây dựng TCVN về nông nghiệp hữu cơ đối với một số sản phẩm có tiềm năng, lợi thế. Hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy trình sản xuất hướng đến nông nghiệp hữu cơ và đạt chuẩn nông nghiệp hữu cơ đến từng địa phương.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ người sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản chuyển đổi sang áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn; các quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn để nhận diện, đánh giá các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, thương mại nông nghiệp; trong đó bổ sung ưu đãi đầu tư sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc hữu cơ. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể phát triển thị trường nông sản hữu cơ trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường nông sản hữu cơ quốc tế; khuyến khích người sản xuất tham gia thị trường nông sản xanh, mua bán tín chỉ các bon quốc tế tạo động lực chuyển đổi sản xuất kinh doanh trong nước.

5. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái; chuyển đổi số và đổi mới công nghệ để sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường

- Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái, thông qua phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của các Viện, Trường thuộc Bộ thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu về chuyên môn liên quan tới lĩnh vực tăng trưởng xanh. Xây dựng đề án mở mới ngành đào tạo hoặc bổ sung các học phần, chương trình đào tạo về tăng trưởng xanh dựa trên yêu cầu về số lượng và chuẩn năng lực của các vị trí việc làm.

- Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, tiếp cận áp dụng công nghệ mới xanh, sạch, hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên từ phế, phụ phẩm, xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp. Nghiên cứu, chọn tạo, thí điểm và nhân rộng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có hiệu quả cao, ít phát thải, có năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng khoa học công nghệ hỗ trợ quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả đối với: hệ thống công trình thủy lợi; các đập dâng và hồ chứa nước thủy lợi; hệ thống phân phối, điều tiết nước, ngăn mặn, giữ ngọt, kiểm soát ô nhiễm nước; hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai.

- Từng bước hoàn thiện hệ sinh thái nông nghiệp số trên nền tảng dữ liệu lớn và thông tin thống nhất, minh bạch, kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước ở trung ương và địa phương, đối tác quốc tế, các doanh nghiệp. Xây dựng một số hệ thống cơ sở dữ liệu được kết nối, liên thông để phục vụ theo dõi giám sát tăng trưởng xanh như: CSDL giám sát đánh giá các chỉ tiêu tăng trưởng xanh; Xây dựng nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản, trong đó có truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp xanh, cacbon thấp tại từng công đoạn sản xuất, chế biến và tiêu thụ; CSDL đo đạc-báo cáo-thẩm định (MRV) ngành nông nghiệp; thí điểm và nhân rộng ứng dụng theo dõi “dấu chân

các bon” cho hệ thống MRV trong thúc đẩy các ngành hàng nông sản chủ lực xanh-các bon thấp.

- Xây dựng và triển khai chương trình nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ tăng trưởng xanh với trọng tâm là các giải pháp kỹ thuật và thể chế bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, giám sát, đo lường về mức độ ô nhiễm, thoái hóa đất đai, nguồn nước, không khí, mức độ hấp thu các bon, giảm phát thải khí nhà kính trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng nông lâm thủy sản. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chương trình, chủ động đầu tư nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực nêu trên; tham gia xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo lương thực khu vực đặt tại Việt Nam.

6. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế; huy động nguồn lực đầu tư cho tăng trưởng, phát triển nông nghiệp xanh

- Đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư cho tăng trưởng xanh, chú trọng huy động các nguồn lực xã hội, nhất là từ doanh nghiệp cho thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh. Lồng ghép và sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho những hoạt động mang tính dẫn dắt như đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu xanh, cụm công nghiệp - nông nghiệp xanh, trung tâm chế biến nông sản sạch, hữu cơ, công trình xử lý chất thải...

- Tăng cường hợp tác quốc tế để kêu gọi hỗ trợ về tài chính và chuyển giao công nghệ nhằm đưa nông nghiệp Việt Nam thành hình mẫu về phát triển nông nghiệp xanh-các bon thấp, an toàn thực phẩm, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi nông sản toàn cầu góp phần giảm phát thải khí nhà kính, đặc biệt là giảm Metan trong trồng trọt và chăn nuôi, chuỗi nông sản, không gây mất rừng. Tham gia và tổ chức các hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm và nâng cao năng lực thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh.

- Phối hợp với Ngân hàng nhà nước để hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, hỗ trợ lãi suất, ưu đãi tài sản đối với khách hàng thực hiện các dự án nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, trồng rừng sản xuất.

7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; phát triển cơ sở hạ tầng xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính

- Bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có, đẩy mạnh tái sinh tự nhiên. Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhất là những khu vực nhạy cảm về môi trường. Ngăn chặn có hiệu quả nạn khai thác thực vật, động vật hoang dã và phá rừng trái pháp luật. Tăng cường năng lực phòng, chống cháy rừng, giảm số vụ và diện tích rừng bị cháy. Phân cấp, giao quyền cho các tổ chức, cộng đồng, cá nhân, hộ gia đình trong việc quản lý, sử dụng rừng và đất rừng để huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng.

- Thực hiện các chương trình bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Đẩy mạnh bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có nguy cơ tuyệt

chúng. Thúc đẩy tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích; phát triển, thị trường hóa sản phẩm từ các nguồn gen phù hợp với các điều ước quốc tế. Tăng cường đăng ký sở hữu tri thức truyền thống về nguồn gen; xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên di truyền, phát triển hệ thống ngân hàng gen. Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch phục hồi, sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, nhất là rừng ngập mặn và các vùng đất ngập nước quan trọng.

- Đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước. Ưu tiên xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi tự chảy, hiện đại, đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác và đảm bảo phục vụ đa ngành, đa mục tiêu, tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, tuần hoàn nước.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống đê điều và các công trình phòng chống thiên tai khác để đảm bảo an toàn hoạt động kinh tế - xã hội, dân sinh, giao thông, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai, nước biển dâng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu về môi trường nông nghiệp, nông thôn. Phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với lực lượng thanh tra chuyên ngành môi trường và cảnh sát môi trường trong đấu tranh phòng chống các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

8. Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh

Triển khai hệ thống chỉ tiêu thống kê về tăng trưởng xanh. Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh theo thời gian thực trên cơ sở tích hợp với hệ thống giám sát, đánh giá ngành Nông nghiệp để thông tin được quản lý tập trung thống nhất. Tập trung nguồn lực để tổ chức điều tra, thu thập thông tin. Áp dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để phân tích dữ liệu, dự báo và đưa ra những định hướng mang tính chất chiến lược, giúp các cơ quan quản lý nắm bắt được tiến độ thực hiện và đưa ra những giải pháp kịp thời nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Các đơn vị trực thuộc Sở theo lĩnh vực được phân công, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp triển khai theo Phụ lục phân công thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch hành động.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Các đơn vị được theo lĩnh vực được phân công chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí thực hiện từ các nguồn kinh phí được Nhà nước giao, các nguồn huy động, xã hội hóa, các nguồn hợp tác phát triển khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Giám đốc, Trưởng các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2030; lồng ghép các nội dung của Kế hoạch hành động này với các

chương trình, đề án, dự án đang thực hiện để có thể thực hiện hiệu quả. Đối với các nhiệm vụ mới, sau khi xác định được nguồn lực cần chủ động xây dựng các dự án, dự toán kinh phí tham mưu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng năm, trước ngày 05/12, các đơn vị trực thuộc Sở báo cáo tiến độ, kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc các đơn vị trực thuộc Sở kịp thời báo cáo, đề xuất lãnh đạo Sở xử lý./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở (thực hiện);
- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh (thực hiện);
- Lưu: VT, (KHTC). Long

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Lâm Sinh

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN ngày tháng 01 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, nông thôn	Các đơn vị trực thuộc Sở	Các địa phương	2022-2030
2	Phát triển sản xuất nông nghiệp xanh - sạch - an toàn - bền vững			
2.1	Trồng trọt: Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu từng địa phương; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung ổn định, quy mô lớn. Sử dụng đất lúa linh hoạt, chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản có hiệu quả cao hơn, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Đẩy mạnh áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, gây ô nhiễm môi trường, làm thoái hóa đất canh tác và phát thải khí nhà kính. Thực hiện các chương trình quản lý sức khỏe đất; quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp; áp dụng các phương thức tưới tiên tiến, tiết kiệm đối	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030

	với cây trồng cạn.			
2.2	<p>Chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, hình thành vùng chăn nuôi trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ; Tất cả các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi phải có giải pháp kiểm soát môi trường phù hợp, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi côn trùng, sản xuất năng lượng tái tạo... Tăng cường năng lực của hệ thống thú y bảo đảm phòng, chống dịch bệnh động vật hiệu quả, tăng cường giám sát sử dụng kháng sinh và kháng kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bảo đảm an toàn thực phẩm.</p>	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030
2.3	<p>Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Áp dụng đối tượng nuôi trồng thủy sản mới có hiệu quả cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện khí hậu. Tăng cường kiểm soát dịch bệnh, giảm sử dụng kháng</p>	Chi cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030

	sinh, bảo đảm an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản.			
2.4	Phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản theo tiêu chuẩn quản lý. Phục hồi rừng tự nhiên, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa. Mở rộng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý bền vững; phát huy tối đa dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu; khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ hấp thụ và lưu giữ cacbon.	Chi cục Kiểm lâm; Các Ban quản lý rừng phòng hộ: Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030
2.5	Khuyến khích áp dụng công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế tuần hoàn. Xử lý triệt để tình trạng gây ô nhiễm môi trường trong chế biến, kinh doanh nông lâm, thủy sản. Khuyến khích sử dụng các công nghệ sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.	- Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản. - Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030

2.6	Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, gắn hoạt động kinh tế với dịch vụ du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ. Hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và giảm ô nhiễm trong sản xuất ở các làng nghề và các cơ sở ngành nghề ở nông thôn. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm OCOP theo hướng kinh tế tuần hoàn.	- Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản.	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030
3	Xây dựng lối sống xanh, tiêu dùng bền vững			
3.1	Xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc nông sản, xây dựng chỉ dẫn địa lý, tổ chức giới thiệu các sản phẩm; tổ chức triển khai dán nhãn sinh thái, xanh, các bon thấp cho sản phẩm nông sản	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030
3.2	Thí điểm, nhân rộng các mô hình nông thôn mới hướng tới tăng trưởng xanh: Mô hình du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững; Mô hình nông thôn thông minh, các mô hình nhà ở, làng sinh thái, làng thông	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030

	minh...			
3.3	Phát triển các sản phẩm nông, lâm, thủy sản sản xuất theo hướng xanh	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	Các đơn vị liên quan, địa phương	2022-2030
4	Xây dựng cơ chế, chính sách	Các đơn vị trực thuộc Sở		2022-2030
5	Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái; chuyển đổi số và đổi mới công nghệ để sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường	Các đơn vị trực thuộc Sở		2022-2030
6	Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế; huy động nguồn lực đầu tư cho tăng trưởng, phát triển nông nghiệp xanh	Các đơn vị trực thuộc Sở		2022-2030
7	Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; phát triển cơ sở hạ tầng xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính			
7.1	Bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có, đẩy mạnh tái sinh tự nhiên. Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhất là những khu vực nhạy cảm về môi trường. Ngăn chặn có hiệu quả nạn khai thác thực vật,	Chi cục Kiểm lâm; Các Ban quản lý rừng phòng hộ: Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành	Các đơn vị trực thuộc Sở, địa phương	2022-2030

	động vật hoang dã và phá rừng trái pháp luật. Tăng cường năng lực phòng, chống cháy rừng, giảm số vụ và diện tích rừng bị cháy. Phân cấp, giao quyền cho các tổ chức, cộng đồng, cá nhân, hộ gia đình trong việc quản lý, sử dụng rừng và đất rừng để huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng.			
7.2	Thực hiện các chương trình bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Đẩy mạnh bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có nguy cơ tuyệt chủng. Thúc đẩy tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích; phát triển, thị trường hóa sản phẩm từ các nguồn gen phù hợp với các điều ước quốc tế. Tăng cường đăng ký sở hữu tri thức truyền thống về nguồn gen; xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên di truyền, phát triển hệ thống ngân hàng gen. Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch phục hồi, sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, nhất là rừng ngập mặn và các vùng đất ngập nước quan trọng.	Chi cục Kiểm lâm; Các Ban quản lý rừng phòng hộ: Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành	Các đơn vị trực thuộc Sở, địa phương	2022-2030
7.3	Đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	Các đơn vị trực thuộc Sở, địa phương	2022-2030

	bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước. Ưu tiên xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi tự chảy, hiện đại, đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác và đảm bảo phục vụ đa ngành, đa mục tiêu, tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, tuần hoàn nước.			
7.4	Tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống đê điều và các công trình phòng chống thiên tai khác để đảm bảo an toàn hoạt động kinh tế - xã hội, dân sinh, giao thông, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai, nước biển dâng.	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	Các đơn vị trực thuộc Sở, địa phương	2022-2030
8	Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh	Các đơn vị trực thuộc Sở		2022-2030